

Cao Bằng, ngày 29 tháng 7 năm 2022

**BẢNG ĐIỂM**  
**LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 09**  
Hình thức đào tạo tập trung; Thời gian học từ ngày 01/11/2021 đến ngày 29/7/2022

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa DVBC và nội dung cơ bản của chủ nghĩa DVLS	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
1	Hoàng Thị Mai Anh	7,00	8,25	7,00	7,25	7,50	6,50	7,50	7,75	7,75	7,25	7,75	7,50	7,00	8,00	7,42	<b>7,43</b>	<b>Khá</b>	
2	Trần Cao Anh	7,00	8,25	7,25	5,00	7,00	7,50	7,25	6,75	7,50	7,25	7,25	7,50	6,50	8,00	7,42	<b>7,19</b>	<b>Khá</b>	
3	Bế Đình Bằng	7,25	8,00	7,50	6,75	7,50	7,00	7,75	6,00	7,00	7,00	7,25	7,75	6,50	7,50	6,67	<b>7,10</b>	<b>Khá</b>	
4	Đàm Ngọc Báu	7,25	7,00	7,00	7,00	6,00	6,50	7,00	6,00	6,50	7,50	7,75	7,00	6,50	8,50	6,75	<b>6,93</b>	<b>Trung bình</b>	
5	Hứa Thị Minh Bằng	7,50	8,00	8,00	7,50	7,75	7,00	8,00	8,00	8,00	7,50	7,75	7,50	7,50	8,25	8,25	<b>7,82</b>	<b>Khá</b>	
6	Lê Tiến Cường	7,00	8,00	7,50	6,50	7,75	6,50	8,00	7,75	7,50	7,00	8,25	7,50	8,25	8,75	7,33	<b>7,54</b>	<b>Khá</b>	
7	Phạm Ngọc Cường	7,00	7,50	7,00	5,00	7,50	6,50	6,50	7,00	6,50	7,25	7,75	6,50	5,25	8,00	7,25	<b>6,88</b>	<b>Trung bình</b>	
8	Đỗ Minh Chiến	8,00	8,25	7,75	7,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,25	<b>8,01</b>	<b>Giỏi</b>	
9	Phan Văn Chiến	7,50	8,25	7,25	6,00	8,00	7,00	8,00	8,00	7,75	8,00	7,25	7,75	8,00	7,50	7,58	<b>7,59</b>	<b>Khá</b>	
10	Lê Văn Chinh	7,50	8,00	8,00	7,50	8,25	7,00	8,00	7,75	8,00	8,00	7,75	7,75	7,50	8,75	8,00	<b>7,87</b>	<b>Khá</b>	
11	Nông Thị Diệp	7,00	7,50	7,25	6,50	7,50	7,00	8,00	6,75	7,00	7,00	7,75	7,00	6,50	8,50	7,33	<b>7,25</b>	<b>Khá</b>	

*ĐHB*

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa DVBC và nội dung cơ bản của chủ nghĩa DVLS	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
12	Hoàng Thị Diệp	7,00	7,25	7,75	6,75	8,00	7,50	7,75	8,00	7,50	7,75	8,00	8,00	7,00	8,75	7,42	7,60	Khá	
13	Lê Thị Diệp	7,75	8,25	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,25	8,09	Giỏi	
14	Hoàng Hà	6,50	8,00	8,00	5,00	8,00	7,50	7,50	8,00	6,50	8,25	7,75	6,50	6,25	8,75	7,00	7,26	Khá	
15	Hoàng Bích Hạnh	7,50	7,50	8,00	7,00	8,25	7,50	7,50	8,00	7,50	8,25	8,00	6,00	8,00	8,50	7,50	7,65	Khá	
16	Lâm Thuý Hoa	7,00	7,25	7,50	6,25	7,75	7,00	7,50	7,75	6,50	7,75	7,50	7,00	7,00	8,50	7,17	7,28	Khá	
17	Đàm Thị Hòa	7,25	7,50	8,00	6,00	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	7,50	7,75	7,50	7,25	8,50	7,83	7,66	Khá	
18	Trần Hoàng	6,50	7,50	6,75	6,25	7,50	7,00	7,50	7,00	7,50	6,50	7,25	7,75	6,00	8,25	7,33	7,13	Khá	
19	Trương Xuân Học	7,25	7,50	7,75	6,75	8,00	8,00	7,50	8,00	7,75	7,00	8,00	7,50	8,00	8,25	7,42	7,62	Khá	
20	Hoàng Tân Hội	7,00	7,50	7,50	6,50	7,75	7,50	8,00	7,75	6,50	7,25	6,75	7,50	6,00	8,50	7,17	7,27	Khá	
21	Đàm Thị Bích Hồng	7,50	8,00	7,50	6,75	8,00	8,25		8,00		7,75	7,50		8,00	8,50				Bảo lưu
22	Lý Xuân Huy	7,00	7,75	7,75	6,00	8,00	8,00	7,50	8,00	7,75	7,00	7,00	7,50	8,00	8,25	7,58	7,54	Khá	
23	Võ Quang Huy	7,00	6,50	7,00	5,50	7,50	7,00	7,25	7,50	6,50	7,50	7,50	7,00	6,00	8,00	6,58	6,91	Trung bình	
24	Lương Thị Huyền	7,00	6,75	7,25	6,50	7,50	6,50	7,75	7,75	8,00	7,75	7,50	6,50	6,00	8,50	6,92	7,18	Khá	
25	Phan Thị Hường	6,75	7,00	7,50	6,25	7,75	7,00	7,75	7,75	8,00	7,75	7,75	7,50	6,00	8,00	7,50	7,37	Khá	
26	Nguyễn Thị Ngọc Lan	7,50	7,50	8,00	6,50	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	7,00	8,75	8,50	7,88	Khá	
27	Phan Tú Lan	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	7,50	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	9,00	8,25	8,06	Giỏi	
28	Đinh Thị Thùy Linh	7,25	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	8,50	8,25	8,06	Giỏi	
29	Nông Mạnh Linh	7,00	7,00	6,00	6,00	8,00	8,00	7,75	8,25	7,00	7,75	7,00	7,50	5,00	8,75	7,00	7,18	Khá	

*ĐHL*

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa DVBC và nội dung cơ bản của chủ nghĩa DVLS	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
30	Hoàng Thị Ly	6,50	8,00	7,75	6,25	8,50	7,75	7,75	8,00	8,25	7,75	7,75	7,50	7,25	7,50	7,75	7,63	Khá	
31	Hoàng Thị Lý	8,25	8,25	8,25	7,50	8,00	8,00	8,00	8,25	7,50	8,00	7,75	7,75	7,00	8,75	8,25	8,00	Giỏi	
32	Nông Thị Mai	7,00	7,50	8,00	6,00	7,50	8,00	8,00	7,75	7,00	7,50	7,75	8,00	6,50	8,75	7,50	7,51	Khá	
33	Nông Văn Phóng	7,25	6,50	6,50	6,50	7,50	6,50	7,00	6,75	7,00	7,00	6,75	7,00	6,00	8,50	6,92	6,91	Trung bình	
34	Lê Thị Phương	7,50	7,50	7,75	6,50	7,50	6,00	8,00	7,50	7,75	7,00	7,50	7,00	7,50	8,75	7,75	7,47	Khá	
35	Bế Chí Quang	8,00	7,75	7,75	7,50	7,75	5,50	7,25	7,75	7,00	6,50	7,50	7,00	7,00	8,75	7,58	7,40	Khá	
36	Linh Hải Quân	7,50	7,75	7,00	5,50	8,00	7,00	7,25	7,75	7,00	8,00	6,75	7,00	7,00	9,00	6,83	7,23	Khá	
37	Nông Văn Quỳnh	7,50	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	7,50	8,00	9,00	8,00	8,03	Giỏi	
38	Nguyễn Thái Sơn	7,50	7,00	7,25	6,50	7,50	5,00	8,00	7,75	7,00	8,00	6,75	7,00	8,00	8,50	7,00	7,22	Khá	
39	Vàng Văn Sun	7,75	7,00	7,75	6,75	8,00	7,50	7,25	7,75	7,75	7,25	7,75	7,50	7,00	8,75	7,58	7,56	Khá	
40	Hoàng Thanh Tú	6,75	8,25	7,00	7,25	8,00	5,00	7,25	7,50	7,75	7,25	6,75	7,50	7,00	8,25	7,50	7,29	Khá	
41	Hoàng Văn Tuyền	6,75	7,50	7,50	7,50	7,50	7,00	8,00	7,75	7,50	7,25	7,75	7,50	6,00	8,25	7,42	7,41	Khá	
42	Hoàng Bảo Tuyên	7,25	7,75	8,00	6,50	7,50	7,50	7,50	8,00	7,75	7,75	7,50	7,50	7,25	8,25	7,42	7,54	Khá	
43	Đàm Thị Thảo	6,25	7,50	7,00	7,00	7,50	7,00	7,50	7,50	7,00	7,00	7,25	7,50	6,00	8,25	7,58	7,23	Khá	
44	Nông Văn Thiệp	7,00	8,00	7,25	6,00	7,50	6,50	7,50	7,00	7,00	7,00	7,25	7,00	6,00	8,50	7,08	7,10	Khá	
45	Hoàng Thị Thơm	7,50	8,00	7,75	8,00	7,75	6,50	8,00	7,50	8,00	7,50	8,00	8,00	7,00	8,50	8,50	7,85	Khá	
46	Đình Văn Thuận	7,00	7,00	6,25	6,00	7,75	7,00	7,25	7,50	7,50	7,75	7,75	7,50	6,00	8,25	6,75	7,10	Khá	
47	Lục Thị Thương	7,25	7,50	7,50	7,25	7,75	5,50	8,00	7,25	7,00	7,50	7,75	8,00	6,50	8,50	7,50	7,40	Khá	

*DLC*

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa DVBC và nội dung cơ bản của chủ nghĩa DVLS	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Ghi chú
48	Mai Thu Trang	7,00	8,00	7,25	5,00	8,00	6,50	7,25	7,75	7,50	6,75	8,00	7,50	6,50	8,50	6,83	7,18	Khá	
49	Đình Văn Truyền	7,00	7,25	8,00	6,00	8,00	6,00	7,75	7,50	7,50	7,25	8,00	7,00	6,50	8,50	6,67	7,19	Khá	
50	Nông Hồng Vương	7,00	7,00	7,00	6,00	7,50	5,00	7,00	7,25	7,50	6,00	7,75	7,00	6,00	8,50	6,83	6,88	Trung bình	
51	Trương Thị Xoan	7,50	7,50	7,75	6,75	8,00	6,50	7,00	8,00	7,50	8,00	7,75	7,00	7,25	8,75	7,33	7,48	Khá	

Danh sách ấn định: 51 học viên, được xếp loại 50 học viên.

**Tổng hợp xếp loại:**

**Giỏi:** Điểm trung bình toàn khóa học từ 8,00 đến dưới 9,00: 06 học viên, bằng 12,0%.

**Khá:** Điểm trung bình toàn khóa học từ 7,00 đến dưới 8,00: 39 học viên, bằng 78,0%.

**Trung bình:** Điểm trung bình toàn khóa học từ 5,00 đến dưới 7,00: 05 học viên, bằng 10,0 %./.

**GHI ĐIỂM**

*D.H.L.*

**Đoàn Thị Kim Liên**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO  
VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC  
TRƯỞNG PHÒNG**

*V.L.H.*

**Đoàn Thị Vân Thúy**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trịnh Thị Ánh Hoa**